

Bản án số: 63/2021/ HS-ST  
Ngày 30 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G - TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Duy Kh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Mỹ Ph

2. Ông Nguyễn Thành Nh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Đ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Bà Phan Ngọc T – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (Tên gọi khác: Út Trù), sinh năm 1991. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp R, xã L, huyện Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 3/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Lâm Thị T (đã chết); Anh, chị, em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất là bị cáo; Có vợ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 1996 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự: không; Tiền án: có 01 tiền án: Ngày 14 tháng 02 năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01 tháng 05 năm 2020, chưa được xóa án tích; Bị tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến nay. (có mặt)

\* *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 11/02/2021, Nguyễn Văn T đến nhà cha vợ là ông Nguyễn Văn X tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh B để đưa quần áo cho các con của T mặc trong dịch tết và gặp vợ là chị Nguyễn Thị B (là con gái ruột của ông X).

Do T và chị Bé đã ly thân nên T kêu chị Bé về chung sống tiếp nhưng chị Bé không đồng ý. Lúc này, ông Nguyễn Văn X đi uống rượu về và la rầy T về việc không chăm lo cho con cái thì T cự cãi với ông X, thì được bà Loan, là vợ ông X khuyên ngăn.

Sau khi được bà Loan khuyên ngăn thì T bỏ đi ra đầu hẻm, đến một gốc cây dừa lấy 01 cây dao tự chế dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại sắc bén, mũi nhọn mà T cất giấu trước đó rồi quay lại đi vào nhà sau của ông X.

Khi thấy ông X đang ở nhà sau thì T cầm dao tự chế chém một cái trúng vào vùng đầu mặt bên trái của ông X, gây vết thương từ vành tai trái kéo dài xuống cằm trái, chảy nhiều máu. Sau khi chém ông X thì T cầm dao tự chế lên xe mô tô chạy đi. Ông X được gia đình đưa đến bệnh viện đa khoa B điều trị thương tích, đến ngày 16/02/2021 thì ra viện.

Trong giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 51/TgT, ngày 16/3/2021 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của ông Nguyễn Văn X như sau:

- Một vết thương chưa liền sẹo từ cằm – má – tai trái. Tỷ lệ 06%. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc tác động từ trước ra sau, từ trái qua phải.
- Tổn thương dây thần kinh VII nhánh trái III/. Tỷ lệ 08%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau, từ trái qua phải.
- Tổn thương tuyến mang tai trái, gây rò nước bọt kéo dài qua vết mổ. Tỷ lệ 23%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau, từ trái qua phải.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 33%.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSGR-KSĐT ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

\* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
- + Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”,
- + Về vật chứng: Đối với hung khí gây án là cây dao tự chế dài khoảng 60cm không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.
- + Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn X yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm với số tiền theo toa vé điều trị là 7.635.500 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.
- + Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông X số tiền 7.635.500 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Trong ngày 11/02/2021, bị cáo Nguyễn Văn T có hành gây thương tích cho ông Nguyễn Văn X tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh B. Vì vậy, hành vi của bị cáo T đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là phù hợp. Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật hình sự.

**[2]** Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm; đồng thời phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh B, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 11/02/2021, tại Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi dùng dao kim loại gây thương tích cho ông Nguyễn Văn X với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 33% (ba mươi ba phần trăm). Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

Việc bị cáo dùng dao gây thương tích cho ông X tỷ lệ thương tật 33% là hành vi gây thương tích cho người khác thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm. Đồng thời, từ việc ông X là cha vợ la rầy bị cáo việc bỏ bê không chăm lo cho vợ con, không những bị báo không nghe mà còn có lời lẽ cãi vã lại với ông X, việc cãi vã này chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống và cũng đã được người khác khuyên ngăn nhưng bị cáo lại dùng dao chém ông X gây thương tích thể hiện tính chất côn đồ của bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi gây thương tích nêu trên trong trạng thái đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 điều 134 (căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134) Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G về việc truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, đáng lẽ ra sau khi ra tù phải sửa chữa lỗi lầm, chăm lo lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân nhưng do bản tính hung hãn nên vẫn tiếp tục phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi dùng dao chém người khác gây thương tích sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Ngoài ra, ông X chỉ la rầy bị cáo nhưng bị cáo lại đi ra trước lấy dao vào chém ông X, ông X

tránh né được thì bị cáo tiếp tục chém ông X gây thương tích là phạm tội quyết liệt, thể hiện sự xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Đồng thời, cho đến nay bị cáo vẫn chưa khắc phục hậu quả cho ông X. Hành vi của bị cáo không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe của ông X mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang cho người dân nên cần phải xử lý nghiêm khắc để không chỉ có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo mà còn mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

**[3]** Về trách nhiệm dân sự: Có căn cứ xác định bị cáo T là người thực hiện hành vi gây thương tích cho ông X nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông X. Ông X yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền là 7.635.500 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông X số tiền này nên được Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

**[4]** Về vật chứng: Đối với hung khí gây án là cây dao tự chế bị cáo T vứt bỏ không xác định được vị trí, cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.

**[5]** Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 381.700 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 07/4/2021.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn X số tiền 7.635.500 đồng (Bảy triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án (THA) dân sự có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị

cưỡng chế THA theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 381.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2021. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- VKSND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Nhà tạm giữ CATX G;
- Chi cục THADS TX. G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**